TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 97/2024/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 08 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 157/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thanh H, sinh năm 2000. Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1996. Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thanh H và anh Trần Văn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Phạm Thanh H và anh Trần Văn L T anh chị có một con chung là cháu Trần Gia K, sinh ngày 22/6/2023; hiện nay cháu K đang ở cùng chị H. Ly hôn anh chị T thỏa thuận để chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung

là cháu Trần Gia K. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng (*Năm triệu đồng*)/tháng kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi cháu K thành niên và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Khi chị Phạm Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Trần Văn L chưa thanh toán, thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị Phạm Thanh H và anh Trần Văn L thống nhất không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thanh H tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0002395 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Ủy ban nhân dân TT B, huyện B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Lan